

Số: /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(*Tính đến 15 giờ 00 ngày 30/12/2021*)

Từ 15 giờ ngày 29/12/2021 đến 15 giờ ngày 30/12/2021: **140 ca mắc mới.**

STT	Mã BN	Năm sinh	Giới tính	Chỗ ở hiện nay	Đối tượng
1. Ca bệnh cộng đồng: 114 ca					
1.1. Bình Sơn: 41 ca					
1.	1710275	1985	Nữ	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
2.	1710281	2006	Nam	Tân Hy 1, Bình Đông, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
3.	1710288	1987	Nữ	Xuân Yên Tây, Bình Hiệp, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
4.	1710306	2011	Nữ	Sơn Trà, Bình Đông, Bình Sơn	F1 BN 1678510, xét nghiệm cộng đồng
5.	1710323	1968	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
6.	1710324	1998	Nữ	TDP 2, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
7.	1710312	2001	Nữ	Đội 13, Mỹ Long An, Bình Minh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
8.	1710322	1985	Nữ	Long Vĩnh, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
9.	1710333	1983	Nam	Thôn 3, Bình Long, Bình Sơn	Công nhân công ty Huyền Phúc - nhà thầu phụ công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
10.	1710335	1962	Nữ	Tuyệt Diêm 1, Bình Thuận, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
11.	1710344	2017	Nam	An Diêm 1, Bình Chương, Bình Sơn	F1 BN 1691205 (con), xét nghiệm cộng đồng
12.	1710345	1987	Nam	Phước Thành, Bình Thạnh, Bình Sơn	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
13.	1710346	1992	Nam	Trung An, Bình Thạnh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng

14.	1710347	1984	Nữ	Thanh An, Bình Mỹ, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
15.	1710348	2014	Nam	Đội 10, Phú Long 2, Bình Phước, Bình Sơn	F1 BN 1678534, xét nghiệm cộng đồng
16.	1710349	1990	Nữ	Phước Thọ 1, Bình Phước, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
17.	1710350	1959	Nữ	Phước Thọ 1, Bình Phước, Bình Sơn	F1 BN 1647718, xét nghiệm cộng đồng
18.	1710351	2019	Nam	Châu Me, Bình Châu, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
19.	1710352	1954	Nữ	Thôn 4, Bình Hoà, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
20.	1710353	1999	Nữ	Thôn 4, Bình Hoà, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
21.	1710354	1976	Nữ	Phước Thiện 1, Bình Hải, Bình Sơn	F1 BN 1663320, xét nghiệm cộng đồng
22.	1710355	1979	Nữ	Phước Thiện 1, Bình Hải, Bình Sơn	F1 BN 1663320, xét nghiệm cộng đồng
23.	1710356	1948	Nam	Phước Thiện 1, Bình Hải, Bình Sơn	F1 BN 1663320, xét nghiệm cộng đồng
24.	1710357	1960	Nam	Phước Thiện 1, Bình Hải, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
25.	1710358	1978	Nữ	Nam Thuận, Bình Chương, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quát, xét nghiệm cộng đồng
26.	1710359	1993	Nam	Nam Thuận, Bình Chương, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
27.	1710360	1990	Nữ	Nam Thuận, Bình Chương, Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
28.	1710361	1969	Nữ	Thôn 4, Bình Hoà, Bình Sơn	F1 BN 1678508, xét nghiệm cộng đồng
29.	1710362	1971	Nữ	Thôn 4, Bình Hoà, Bình Sơn	F1 BN 1678508, xét nghiệm cộng đồng
30.	1710363	1994	Nam	An Châu, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
31.	1710364	1996	Nữ	An Châu, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng
32.	1710365	1987	Nữ	Đội 9, Long Yên, Bình Long, Bình Sơn	F1 BN 1663293, xét nghiệm cộng đồng
33.	1710366	1971	Nữ	Tuyệt Diêm 2, Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty Doosan Dung Quát, xét nghiệm cộng đồng
34.	1710367	1963	Nữ	Tây Phước, Bình Minh, Bình Sơn	Xét nghiệm cộng đồng

35.	1710368	1992	Nữ	Tây Phước, Bình Minh, Bình Sơn	F1 BN 1691180, xét nghiệm cộng đồng
36.	1710369	2012	Nam	Tây Phước, Bình Minh, Bình Sơn	F1 BN 1691180, xét nghiệm cộng đồng
37.	1710384	1998	Nam	Bình Thuận, Bình Sơn	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
38.	1710385	1992	Nam	Bình Hòa, Bình Sơn	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
39.	1710390	1972	Nữ	Bình Thanh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
40.	1710395	1970	Nữ	Phước Hòa, Bình Thanh, Bình Sơn	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
41.	1710398	1998	Nam	Bình Trung , Bình Sơn	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.2. Sơn Tịnh: 17 ca					
42.	1710282	1988	Nam	Đội 3, Bình Đông, Tịnh Bình, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
43.	1710283	1994	Nam	Đội 3, Bình Đông, Tịnh Bình, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
44.	1710274	1989	Nữ	Đội 1, Bình Nam, Tịnh Bình, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
45.	1710284	1991	Nam	Trường Thọ, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
46.	1710290	1994	Nữ	Đội 2, Phong Niên Hạ, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
47.	1710316	1994	Nữ	Xóm 2, Minh Mỹ, Tịnh Bắc, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
48.	1710329	1988	Nữ	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
49.	1710330	1986	Nữ	Thế Lợi, Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
50.	1710332	1991	Nam	Lâm Lộc, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
51.	1710334	2001	Nữ	Thạch Nội, Tịnh Trà, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
52.	1710391	1968	Nữ	Tịnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng

53.	1710388	1997	Nữ	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
54.	1710389	1994	Nam	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
55.	1710392	1999	Nam	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
56.	1710394	1993	Nữ	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
57.	1710396	2000	Nữ	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
58.	1710397	2002	Nam	Thế Lợi, Tỉnh Phong, Sơn Tịnh	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.3. TP Quảng Ngãi: 17 ca					
59.	1710276	1983	Nữ	Cổ Lũy Làng Cá, Nghĩa Phú, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
60.	1710280	1986	Nam	Xóm 2, Tân Mỹ, Nghĩa An, TP Quảng Ngãi	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
61.	1710286	1993	Nam	Đội 3, Hòa Bình, Tỉnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
62.	1710287	1994	Nữ	Đội 10, Độc Lập, Tỉnh Ấn Tây, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
63.	1710289	1954	Nữ	Tổ 10, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
64.	1710293	1992	Nữ	Tổ 7, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1663297 (vợ), xét nghiệm cộng đồng
65.	1710294	1955	Nữ	Tổ 7, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1663297 (mẹ), xét nghiệm cộng đồng
66.	1710295	2012	Nữ	Đội 2, Hoà Bình, Tỉnh Ấn Đông, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1647731, xét nghiệm cộng đồng
67.	1710310	1997	Nam	Chợ Gò Quán, Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
68.	1710313	1994	Nữ	Khê Ba, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
69.	1710315	1992	Nữ	Tổ 5, Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1678491 (vợ), xét nghiệm cộng đồng

70.	1710327	1997	Nữ	Tự Do, Tỉnh Ân Đông, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
71.	1710328	1994	Nữ	Tur Cung, Khê Hoà, Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
72.	1710336	1982	Nam	Tổ 1, Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi	Xét nghiệm cộng đồng
73.	1710393	1978	Nữ	Mỹ Lệ, Tỉnh Châu, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Trâm Nam - KCN Tịnh Phong, xét nghiệm cộng đồng
74.	1710399	1989	Nữ	Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
75.	1710400	1986	Nữ	Tịnh Thiện, TP Quảng Ngãi	NV siêu thị Coopmart, xét nghiệm cộng đồng
1.4. Tư Nghĩa: 10 ca					
76.	1710277	1986	Nam	TDP 1, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
77.	1710278	1993	Nam	Vạn An, Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
78.	1710285	1997	Nam	Đội 3, Năng Tây 3, Nghĩa Phương, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Hoyalens - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
79.	1710307	1993	Nam	TDP 3, Thị trấn La Hà, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
80.	1710308	2010	Nam	Thôn 1, Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
81.	1710325	1969	Nam	Mỹ Thạnh Đông, Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
82.	1710326	2006	Nam	Mỹ Thạnh Đông, Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa	Xét nghiệm cộng đồng
83.	1710386	1998	Nam	Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
84.	1710387	1982	Nam	Nghĩa Thương, Tư Nghĩa	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
85.	1710401	1993	Nữ	Nghĩa Điền, Tư Nghĩa	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
1.5. Mộ Đức: 8 ca					
86.	1710338	1999	Nam	KDC 24, Lâm Hạ, Đức Phong, Mộ Đức	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
87.	1710339	1994	Nữ	KDC 23, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
88.	1710340	1940	Nữ	KDC 23, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng

89.	1710341	1973	Nữ	KDC 23, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
90.	1710342	2019	Nữ	KDC 23, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
91.	1710343	2001	Nam	KDC 23, Thạch Thang, Đức Phong, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
92.	1710413	1971	Nam	Thôn 3, Đức Chánh, Mộ Đức	Xét nghiệm cộng đồng
93.	1710383	1994	Nam	Đức Chánh, Mộ Đức	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
1.6. Đức Phổ: 02 ca					
94.	1710311	1992	Nam	Khu 3, Xuân Thành, Phố Cường, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
95.	1710411	1993	Nữ	Đông Quang, Phố Văn, Đức Phổ	Xét nghiệm cộng đồng
1.7. Nghĩa Hành: 03 ca					
96.	1710292	1990	Nam	Tỉnh Phú Bắc, Hành Minh, Nghĩa Hành	Công nhân công ty Millennium - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
97.	1710309	1994	Nữ	Kỳ Thọ Nam 1, Hành Đức, Nghĩa Hành	Công nhân Công ty Mensa - KCN VSIP, xét nghiệm cộng đồng
98.	1710370	1997	Nam	An Ba, Hành Thịnh, Nghĩa Hành	Công nhân công ty H.P, xét nghiệm cộng đồng
1.8. Sơn Hà: 01 ca					
99.	1710305	1973	Nam	Bàu Sơn, Sơn Nham, Sơn Hà	Xét nghiệm cộng đồng
1.9. Trà Bồng: 14 ca					
100.	1710371	1984	Nữ	KDC 11, TDP 5, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
101.	1710372	2008	Nam	KDC 11, TDP 5, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
102.	1710373	2021	Nữ	KDC 11, TDP 5, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
103.	1710374	1985	Nam	KDC 1, TDP 1, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
104.	1710375	1986	Nữ	KDC 1, TDP 1, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
105.	1710376	2010	Nữ	KDC 1, TDP 1, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
106.	1710377	1995	Nam	TDP 5, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng

107.	1710378	1958	Nam	KDC 7, TDP 4, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
108.	1710379	1961	Nữ	KDC 7, TDP 4, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
109.	1710380	2015	Nữ	Thôn Tây, Trà Bùi, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
110.	1710381	1996	Nữ	Thôn Tây, Trà Bùi, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
111.	1710382	1972	Nam	Thôn Tây, Trà Bùi, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
112.	1710404	1982	Nữ	Trà Sơn, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
113.	1710405	1966	Nam	Trà Sơn, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
114.	1710406	2004	Nam	Trà Sơn, Trà Bồng	Xét nghiệm cộng đồng
2. Xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà, KCL: 26 ca					
115.	1710279	1949	Nữ	TDP 6, Thị trấn Châu Ô, Bình Sơn	F1 BN 1616675, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
116.	1710291	1989	Nữ	Vạn Trung, Phở Phong, Đức Phở	TPHCM về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
117.	1710296	1988	Nữ	Phú An, Trà Phú, Trà Bồng	F1 BN 1536794, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
118.	1710297	1994	Nữ	Sơn Bàn, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536794, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
119.	1710298	1978	Nữ	KDC 12, TDP 2, Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	F1 BN 1536795, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
120.	1710299	2014	Nam	Tổ 1, thôn Bắc, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536795, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
121.	1710300	1954	Nam	Tổ 2, Thôn Trung, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536795, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
122.	1710301	1956	Nữ	Tổ 2, Thôn Trung, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536795, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
123.	1710302	1999	Nữ	Tổ 1, Thôn Trung, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536794, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
124.	1710303	1997	Nữ	Tổ 1, Thôn Trung, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536794, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
125.	1710304	1991	Nam	Tổ 1, Thôn Trung, Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1536794, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
126.	1710314	1966	Nữ	Tổ 1, Nguyễn Nghiêm, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1583312, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
127.	1710317	1997	Nam	Đội 15, Hà Nhai Bắc, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	F1 BN 1647642, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1

128.	1710318	1954	Nam	Mỹ Danh, Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh	F1 BN 1503660, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
129.	1710319	1964	Nữ	Mỹ Danh, Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh	F1 BN 1503660, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
130.	1710320	1995	Nam	Mỹ Danh, Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh	F1 BN 1503660, công nhân công ty Millennium -KCN VSIP, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
131.	1710321	2019	Nữ	Mỹ Danh, Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh	F1 BN 1503660, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 3
132.	1710337	2019	Nam	Đội 3, Lâm Lộc Nam, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	F1 BN 1583264 (con), xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
133.	1710402	2007	Nữ	Trà Bùi, Trà Bồng	F1 BN 1616758, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
134.	1710403	2002	Nữ	Trà Bùi, Trà Bồng	F1 BN 1616758, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
135.	1710407	1954	Nữ	Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1647658, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
136.	1710408	1992	Nữ	Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1647658, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
137.	1710409	1968	Nữ	Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1647658, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
138.	1710410	1984	Nam	Trà Sơn, Trà Bồng	F1 BN 1647658, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 2
139.	1710412	1969	Nữ	Phước Sơn, Đức Hiệp, Mộ Đức	Tiền Giang về, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1
140.	1710414	2020	Nữ	Tổ 7, Quảng Phú, TP Quảng Ngãi	F1 BN 1663297, xét nghiệm trong thời gian cách ly tại nhà lần 1

***Bệnh nhân tử vong ngày 30/12/2021: 01 bệnh nhân.**

Họ và tên: **L.T.L**; Tuổi: 83, Địa chỉ: Nghĩa An, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Chẩn đoán tử vong: Choáng nhiễm khuẩn- ARDS/ Nhiễm SARS COV 2 nguy kịch/ Suy đa tạng/ Tăng huyết áp/ Tai biến mạch máu não.

I. Tổng hợp tình hình dịch bệnh COVID-19

- Tổng số ca mắc mới trong ngày: **140**, Tổng số ca khỏi bệnh trong ngày: **89**; số ca tử vong trong ngày: 01.

- Số ca mắc COVID-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay: **5.635** ca bệnh. Trong đó: Tổng số ca hiện đang điều trị **1.835** (tại nhà: **1.416**; tại khu cách ly F0 tập trung: **234**; tại bệnh viện: **185**); Số ca khỏi bệnh: **3.773** (tại nhà: 89; tại khu cách ly F0 tập trung: 69; tại bệnh viện: 3.615); Số bệnh nhân tử vong: **26**.

- Hoạt động truy vết từ ngày 26/6/2021 đến nay đã xác định: 15.174 trường hợp F1, 39.642 trường hợp F2.

- Đang cách ly tập trung: 08 người.

- Đang cách ly tại nhà: 7.969 người.

- Công tác thu dung, điều trị:

*** Tại Bệnh viện:**

Cơ sở điều trị	Số bệnh nhân vào viện trong ngày	Số bệnh nhân ra viện trong ngày	Tổng số bệnh nhân hiện có	Phân loại (số lượng, %)				
				Không triệu chứng	Nhẹ	Vừa	Nặng	Nguy kịch
Cơ sở 1	14	15	123	0	100 (81,3%)	23 (18,7%)	0	0
Cơ sở 2	5	13	62	4 (6,5%)	42 (67,7%)	13 (21,0%)	2 (3,2%)	1 (1,6%)
Tổng cộng	19	28	185	4 (2,2%)	142 (76,7%)	36 (19,5%)	2 (1,1%)	1 (0,5%)

* **Tại khu cách ly tập trung F0:** Số ca tiếp nhận trong ngày: 01; số ca khỏi bệnh trong ngày: 35; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **234**; số ca khỏi bệnh: 69.

* **Tại nhà:** Số ca ghi nhận trong ngày: 120; số ca khỏi bệnh trong ngày: 26; số ca hiện còn đang theo dõi, chăm sóc y tế: **1.416**; số ca khỏi bệnh: 89.

- Tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

+ Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế: 1.812.864 liều.

+ Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 1.706.394 liều.

+ Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: **849.465** người (đạt tỷ lệ 98,4% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: **782.169** người (đạt tỷ lệ 90,6% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi nhắc lại: **2.211** người (đạt tỷ lệ 0,5%)

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: **103.880** trẻ (đạt tỷ lệ 90,3%).

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: **897** trẻ (đạt tỷ lệ

0,8%).

II. Nhận định tình hình

1. Tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận số lượng lớn công dân từ các tỉnh phía Nam và từ các vùng dịch khác trở về địa phương; đồng thời, khởi động lại các hoạt động kinh tế-xã hội điều này cũng làm gia tăng ca bệnh.

Hiện nay thời tiết đang trong giai đoạn chuyển mùa Đông Xuân, đồng thời sắp tới là Tết Nguyên đán làm tăng số lượng người Quảng Ngãi về quê; tâm lý của một số người dân chủ quan khi đã tiêm đủ liều vắc xin, gây khó khăn cho công tác phòng, chống dịch.

Tình hình dịch COVID-19 tại TP Quảng Ngãi, các huyện Sơn Hà, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và các khu công nghiệp có diễn biến phức tạp.

2. Theo quy định của UBND tỉnh tại Công văn số 6997/UBND-KGVX ngày 22/12/2021 về thực hiện cách ly y tế trong tình hình mới nhằm thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, các trường hợp F1 và người từ vùng dịch về đều cách ly tại nhà, đồng thời việc quản lý, điều trị F0 tại nhà theo Quyết định 2052/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch “ Tổ chức, thực hiện quản lý và chăm sóc người nhiễm COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú” trên địa bàn tỉnh; việc cách ly điều trị F0 tại nhà cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặt chẽ bệnh điều trị tại nhà. Đồng thời người bệnh và gia đình cần thực hiện nghiêm túc các quy định cách ly điều trị tại nhà nếu không sẽ lây lan dịch cho những người trong gia đình và cộng đồng.

III. Một số kiến nghị, đề xuất

1. Đề nghị các cơ quan truyền thông: Tăng cường và đa dạng công tác tuyên truyền vận động để người dân chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Lưu ý việc người dân thực hiện khai báo y tế trung thực, thực hiện tốt 5K; khi có triệu chứng ho, sốt, đau họng, khó thở, mất vị giác, khứu giác thì liên hệ y tế gần nhất để được tư vấn và xét nghiệm SARS-COV-2.

Truyền thông về lợi ích, tính an toàn của vắc xin và những tác dụng không mong muốn có thể xảy ra sau khi tiêm để người dân hiểu rõ, hiểu đúng và tự nguyện tiêm chủng.

2. Đề nghị các địa phương:

- Chính quyền địa phương, Tổ phòng, chống dịch COVID cộng đồng tăng cường giám sát y tế, cách ly y tế tại cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0; thực hiện thông báo để cộng đồng biết, hỗ trợ. Các trường hợp vi phạm quy định giám sát y tế, cách ly điều trị tại nhà thì xử lý nghiêm theo quy định.

Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định, phê duyệt điều kiện đảm bảo giám sát y tế, cách ly y tế nơi cư trú/lưu trú đối với cả F1 và F0 theo quy định của Bộ Y tế và của UBND tỉnh.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các trạm y tế lưu động; sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, thuốc để kịp thời hỗ trợ F0 điều trị tại nhà khi cần thiết.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định phòng, chống dịch của tổ chức, cá nhân nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe, nơi tập trung đông người...

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19. Tổ chức tiêm vét vắc xin, thành lập tổ tiêm lưu động đi từng ngõ, gõ cửa từng nhà, rà từng người thuộc nhóm nguy cơ cao, thực hiện tiêm ngay tại nhà baorddamr không bỏ sót ai thuộc nhóm nguy cơ cao mà không tiêm vắc xin đầy đủ (trừ những người chống chỉ định); đảm bảo 100% người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ hai mũi trong tháng 12/2021. Triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho 100% trẻ em 12-17 tuổi tiêm đủ 02 mũi trong tháng 01/2022. Khẩn trương tiến hành tiêm vắc xin phòng COVID -19 mũi nhắc lại và mũi bổ sung cho người đã tiêm đủ 02 mũi vắc xin.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ nhóm nguy cơ cao trên địa bàn, tổ chức chăm sóc, theo dõi sức khỏe, xử lý và điều trị ngay khi phát hiện mắc COVID-19 theo đúng hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-COV-2, để giảm tỷ lệ chuyển nặng và giảm tỷ lệ tử vong.

Sở Y tế kính báo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Các cục: QLKCB, YTDP (báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Trung tâm Chỉ huy PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo TU;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Các phòng CN Sở Y tế;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- TTYT các huyện, tx, tp;
- VP Sở đăng Website;
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Đức

Phụ lục: Phân bố ca bệnh theo địa phương

Huyện	Cộng đồng	Sàng lọc B.Viện	Khu phong toả	Khu cách ly	Nhập cảnh	Tổng số
2630	734	13	69	384	11	1211
Sơn Tịnh	162	11	25	177	0	375
Thành Phố	555	26	242	745	0	1568
Tur Nghĩa	326	3	33	300	0	662
Nghĩa Hành	70	1	22	86	0	179
Mộ Đức	86	3	67	222	0	378
Đức Phổ	82	9	122	393	0	606
Trà Bồng	82	1	8	75	0	166
Lý Sơn	1	0	3	7	0	11
Sơn Hà	93	5	64	125	0	287
Sơn Tây	7	4	0	27	0	38
Minh Long	41	2	0	5	0	48
Ba Tơ	31	1	1	73	0	106
Tổng	2270	79	656	2619	11	5635